

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HS-PT

Ngày 19 - 01- 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Sỹ và bà Từ Thị Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và điểm cầu thành phần Trại tạm giam **Công an tỉnh Q** mở phiên tòa trực tuyến xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 124/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo **Lê Thị Trúc P** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 114/2023/HS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thị Trúc P; tên gọi khác: Không; sinh ngày 11/5/1983 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT: **Khu phố B, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**; tạm trú: **Số nhà I, đường L, tổ dân phố N, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: **Lê Kỳ V**, sinh năm 1958; nghề nghiệp: Làm ruộng; trú tại: **Huyện Q, tỉnh Thanh Hóa**; con bà: **Nguyễn Thị Hồng H**, sinh năm 1957; nghề nghiệp: Làm ruộng; Trú tại: **xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**; anh chị em ruột: Có 02 người, **P** là con út; chồng: **Phạm Văn L**, sinh năm 1977 (đã ly hôn); trú tại: **Thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**; con: Có 01 người con sinh năm 2007; trú tại: **xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**. tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2003 lập gia đình đến cuối năm 2013 thì ly hôn. Năm 2017 chuyển đến sinh sống tại **thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình** cho đến ngày phạm tội;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2023 đến nay tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q**. Bị cáo có mặt theo lệnh trích xuất.

Vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 16/5/2023, trước nhà **số C đường N thuộc tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Đ**. Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - **Công an tỉnh Q** phối hợp với **Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố Đ** phát hiện **Lê Thị Trúc P** có biểu hiện nghi vấn. Tiến hành kiểm tra, phát hiện bắt quả tang **P** cất giấu ở dưới lòng bàn chân phải 01 mảnh nilon màu hồng bên trong chứa 21 viên nén hình tròn màu hồng và 01 viên nén không rõ hình dạng, màu hồng. **P** khai nhận những viên nén trong túi nilon trên là ma túy loại hồng phiến, mục đích để sử dụng.

Nguồn gốc số ma túy trên **P** khai nhận: Khoảng 22 giờ 30 ngày 15/5/2023, **P** sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, gắn sim điện thoại số 0359.061.874 đăng ký tài khoản Zalo tên “gâu ly” nhắn tin với tài khoản **Z** “Old Guy” của **Lê Quang C** hỏi mua 50 viên ma túy loại hồng phiến, nhưng do số ma túy không đủ nên **C** từ chối. **P** tiếp tục hỏi mua 1.000.000 đồng ma túy thì **C** đồng ý bán cho **P** 22 viên ma túy loại hồng phiến và hẹn đến **trường Trung cấp Y tỉnh Q** để lấy ma túy. Đến 23 giờ cùng ngày, **P** đến Nhà nghỉ số 03 **đường N thuộc tổ dân phố Đ** gặp **Trần Xuân H1** và nói: “Chạy lên thằng **B** lấy đồ trước mặt **Trường T**”, **H1** hiểu là đi gặp **C** lấy ma túy về cho **P**. **H1** lấy 1.000.000 đồng từ **P** và điều khiển xe mô tô hiệu HONDA AIRBLADE, BKS 73V-3518 (xe của **P** mua của chị **Nguyễn Thị Thúy H2**) đến **Trường T**. **P** nhắn tin số điện thoại 0862.403.368 của **H1** cho **C** và **C** gửi lại số 0961.677.357 cho **P** để liên lạc. Khi **H1** đến nơi thì **C** đợi sẵn và lấy 1.000.000 đồng từ **H1** rồi chỉ chỗ cho **H1** lấy ma túy. **H1** lấy 01 mảnh nilon bên trong chứa chất ma túy rồi về nhà nghỉ đưa cho **P**. Quá trình làm rõ **C** thừa nhận hành vi bán ma túy cho **P** như trên.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của **Lê Quang C** tại phòng trọ thuộc **tổ dân phố A, phường B** Cơ quan điều tra thu giữ: 01 túi nilon màu hồng bên trong chứa 102 viên nén thuốc tân dược màu hồng; 01 viên nén hình tròn thuốc tân dược màu xanh; 01 bóng đèn bằng nhựa màu trắng xanh và số tiền 1.000.000 đồng.

Nguồn gốc toàn bộ số ma túy bị thu giữ **C** khai nhận: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 14/5/2023, **C** đón xe dọc đường ra **thị trấn H, huyện B**. Khi đến khu vực **chợ H3** thuộc **thị trấn H**, **C** mua của một người đàn ông tên “Cu Tí” không rõ lý lịch 01 túi nilon bên trong chứa khoảng 200 viên ma túy loại hồng phiến giá 6.000.000 đồng, mục đích cất giấu để sử dụng và bán lại kiếm lời. Sau khi mua được ma túy **C** đã sử dụng khoảng 70 viên và bán cho **P** 22 viên. Số ma túy còn lại thu giữ tại nhà **C** mục đích **C** cất giữ để sử dụng cho bản thân.

Tại Kết luận giám định số 449/GĐ-PC09 ngày 23/5/2023 của **Phòng K Công an tỉnh Q** kết luận vật chứng thu từ **Lê Thị Trúc P**: Mẫu giám định ký hiệu A1 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 2,102gam; Mẫu giám định ký hiệu A2 gửi giám định là chất ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,053gam.

Tại Kết luận giám định số 452/GĐ-PC09, ngày 23/5/2023 của **Phòng K Công an tỉnh Q** kết luận vật chứng thu từ **Lê Quang C**: Mẫu giám định ký hiệu A1 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 10,125gam; Không tìm thấy các chất ma túy thường gặp trong mẫu ký hiệu A2 gửi giám định, khối lượng 0,089gam.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an thành phố Đ** đã tiến hành trích xuất dữ liệu từ điện thoại di động của **Lê Thị Trúc P** nội dung hội thoại tin nhắn mạng xã hội Zalo giữa **P** và **C** 11 hình ảnh đưa vào hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an tỉnh Q** đã thu giữ từ **Lê Thị Trúc P**: 21 viên nén hình tròn, màu hồng (ký hiệu A1) khối lượng 2,102g, hoàn trả sau giám định 1,908 gam; 01 viên nén không rõ hình dạng màu hồng (ký hiệu A2) khối lượng 0,053gam (quá trình giám định đã sử dụng hết); 01 mảnh nilon màu hồng và toàn bộ vỏ bao gói. Được niêm phong trong phong bì thư của **Phòng K - Công an tỉnh Q** dán kín, trên phong bì niêm phong có ghi chữ “449/KL-KTHS”; 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, màu đen, bên trong gắn sim số 0359.061.874 và sim số 0359.160.554, đã qua sử dụng.

Thu giữ từ **Trần Xuân H1**: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE màu đen, BKS 73V-3518, đã qua sử dụng.

Thu giữ từ **Lê Quang C**: 102 viên nén hình tròn màu hồng (ký hiệu A1) khối lượng 10,125gam, hoàn trả sau giám định 9,829gam; 01 viên nén, hình tròn, màu xanh khối lượng 0,089gam (đã sử dụng hết, không tìm thấy các chất ma túy thường gặp trong mẫu ký hiệu A2 gửi giám định) và vỏ bao gói. Được niêm phong trong phong bì thư của **Phòng K - Công an tỉnh Q** dán kín, trên phong bì niêm phong có ghi chữ “452/KL-KTHS”; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen, bên trong gắn sim số 0961.677.357 và sim 0906.583.197, đã qua sử dụng; 01 túi nilon màu hồng; 01 chiếc bóng đèn bằng nhựa màu trắng xanh; Thu giữ 1.000.000 đồng tiền **Ngân hàng N** xác định là tiền Chiết bán ma túy.

Tại Bản cáo trạng số: 110/CT-VKSĐH -MT ngày 09 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới truy tố bị cáo **Lê Quang C** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo **Trần Xuân H1** về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo **Lê Thị Trúc P** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 114/2023/HSST ngày 30/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã Quyết định:

*1. Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo **Lê Quang C** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo **Trần Xuân H1** phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”; bị cáo **Lê Thị Trúc P** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.*

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; khoản 1 Điều 251; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, 38, 55 của Bộ luật Hình sự.

*Xử phạt bị cáo **Lê Quang C** 03 (ba năm) tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 07 (bảy năm) tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo **Lê Quang C** phải chấp hành hình phạt tù là 10 (mười năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam ngày 16/5/2023.*

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51, 38 của Bộ luật Hình sự.

*Xử phạt bị cáo **Trần Xuân H1** 03 (ba năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam ngày 16/5/2023.*

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51, 38 của Bộ luật Hình sự.

*Xử phạt bị cáo **Lê Thị Trúc P** 02 (hai năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam ngày 16/5/2023.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

*Trong hạn luật định, ngày 01/11/2023, bị cáo **Lê Thị Trúc P** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Các bị cáo khác không có kháng cáo.*

*Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo **Lê Thị Trúc P** thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Bản án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên phạt bị cáo.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với Đại diện viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo **Lê Thị Trúc P** làm trong thời hạn luật định nên chấp nhận để xét xử theo trình tự phúc thẩm.*

[2] Xét nội dung: Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy tại phiên tòa bị cáo **Lê Thị Trúc P** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở khẳng định Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2023/HS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định: Tuyên bố bị cáo **Lê Thị Trúc P** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người trưởng thành, có nhận thức nhất định về pháp luật, bị cáo biết việc mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất cứ hình thức nào đều bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì ăn chơi đua đòi, sống buông thả, thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện về đạo đức lối sống nên bị cáo đã chủ động liên lạc với **C**, sau đó đưa tiền cho **H1** đi đến địa điểm đã hẹn trước với **C** để mua ma túy về sử dụng. Điều này thể hiện bị cáo là người rất coi thường pháp luật, hành vi của bị cáo cần phải xét xử nghiêm mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới nào, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác cơ quan điều tra phát hiện đồng phạm quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt. Từ đó xử phạt bị cáo mức án 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là phù hợp, không nặng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo **Lê Thị Trúc P** không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356; khoản 2 các Điều 135, Điều 136; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Lê Thị Trúc P**, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2023/HS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới về phần hình phạt đối với bị cáo **Lê Thị Trúc P**.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo **Lê Thị Trúc P** 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/5/2023.

Quyết định tạm giam bị cáo với thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo **Lê Thị Trúc P** phải chịu 200.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 19 tháng 01 năm 2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Vụ GDKT I – TANDTC;
- TAND TP. Đồng Hới;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Công an TP. Đồng Hới;
- Phòng HSNVCS CAQB;
- Sở Tư pháp Quảng Bình;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ, Tòa HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thái Sơn